

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học
 năm học 2022 -2023**

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Ngành: Thông tin - Thư viện (Khóa: 2022 - 2026)

| TT | Tên học phần | Mục tiêu học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|----|--|--|------------|----------------------|--|
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Phần 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được những vấn đề chung của Chủ nghĩa Mác- Lênin. - Hiểu được nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. - Vận dụng được kiến thức học phần vào giải quyết những vấn đề khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, nêu cao trách nhiệm, tinh thần kỷ luật trong học tập và công tác. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 2 | Pháp luật đại cương | <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật. - Vận dụng các quy định của pháp luật vào giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn. - Có nền tảng tư duy pháp luật để tiếp thu các học phần kiến thức ngành, chuyên ngành liên quan đến pháp luật trong chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học. - Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật tới cá nhân, cộng đồng và xã hội. Tạo | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |

| | | | | | |
|---|----------------------|--|---|----------|---|
| | | nên sự bền vững ý thức pháp luật, kỷ cương phép nước và nền văn hóa pháp lý xã hội chủ nghĩa. | | | |
| 3 | Tâm lý học đại cương | <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu mục tiêu, nhiệm vụ và vai trò của Tâm lý học đối với cuộc sống và hoạt động trong từng lĩnh vực nghề nghiệp văn hóa cụ thể. + Nắm vững những khái niệm cơ bản về tâm lý người, nguồn gốc, bản chất, các quy luật vận hành của hiện tượng tâm lý. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào từng lĩnh vực hoạt động văn hóa, xử lý các tình huống cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả công việc. + Có kỹ năng làm việc với mọi người, biết tự định hướng, rèn luyện bản thân đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp - Về thái độ: <ul style="list-style-type: none"> + Có ý thức học tập, rèn luyện để trở thành người hoạt động trong lĩnh vực Văn hóa Thông tin giỏi. + Tích cực học tập, thích nghiên cứu, thực hành các vấn đề của Khoa học tâm lý. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận, trắc nghiệm |
| 4 | Xã hội học đại cương | <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản, có hệ thống về Xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học, cơ cấu của Xã hội học, các khái niệm của Xã hội học. - Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng nghiên cứu, phân tích vấn đề xã hội để có thể tự triển khai nghiên | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |

| | | | | | |
|---|--|--|---|----------|---|
| | | <p>cứ, viết báo cáo khoa học về các vấn đề xã hội.</p> <p>- Về thái độ: Thực hiện nghiêm túc ý thức tự giác điều chỉnh các hành vi xã hội của bản thân. Sinh viên biết tham gia, lắng nghe, tin tưởng và thể hiện quan điểm của bản thân về các vấn đề xã hội. Đồng thời có thái độ quan tâm nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội.</p> | | | |
| 5 | Lịch sử văn minh thế giới | <p>- Trang bị kiến thức cơ bản về về văn minh nhân loại: Sự hình thành, phát triển và suy tàn của các nền văn minh lớn trên thế giới; thành tựu và những đóng góp của các nền văn minh đó đối với tiến trình phát triển lịch sử nhân loại.</p> <p>- Rèn luyện các kỹ năng hệ thống hóa, tổng hợp, phân tích, so sánh,... để nhận thức được tính phong phú, đa dạng của văn minh thế giới; tính đặc thù của từng nền văn minh, từng khu vực (Đông Nam Á, phương Đông, phương Tây...).</p> <p>- Vận dụng kiến thức học phần vào thực tế để lý giải một số vấn đề mang tính lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội của dân tộc và thế giới.</p> <p>- Hình thành thái độ trân trọng, ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, văn minh của dân tộc và nhân loại.</p> | 2 | Học kỳ 1 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |
| 6 | Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam | <p>- Trang bị kiến thức cơ bản về lịch sử tư tưởng phương Đông từ cổ đại đến hiện đại, từ đó sinh viên nhận thức sâu sắc quy luật kế thừa và phát triển của lịch sử tư tưởng, rút ra những kinh nghiệm và bài học cho quá trình hoạt động thực tiễn hiện nay.</p> <p>- Giúp sinh viên tìm hiểu tinh hoa văn hóa của các dân tộc Trung Quốc,</p> | 2 | Học kỳ 1 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |

| | | | | | |
|--|-------------------------|---|---|----------|--|
| | | <p>Ấn Độ, Ả Rập qua các thời đại, những đóng góp của các nhà tư tưởng vào kho tàng tư tưởng nhân loại.</p> <p>- Kiến thức học phần còn là cơ sở để phục vụ nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành.</p> | | | |
| Chọn 5 tín chỉ (từ số thứ tự 7* đến số thứ tự 21*) | | | | | |
| 7* | Môi trường và con người | Học phần này trình bày các khái niệm về môi trường, khoa học môi trường và các chức năng chủ yếu của môi trường; Phân tích tác động của con người đối với môi trường; Xác định nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người; Phổ biến chương trình hành động bảo vệ môi trường cho sự phát triển bền vững. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 8* | Ngôn ngữ văn hóa | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hóa như: bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ; khái niệm về văn hóa, cấu trúc của hệ thống văn hóa và chức năng xã hội của văn hóa; Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa và vai trò của ngôn ngữ đối với quá trình phát triển của văn hóa. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 9* | Công nghiệp văn hóa | Học phần này trình bày khái niệm về ngành công nghiệp văn hoá; chức năng, vai trò và các lĩnh vực của ngành công nghiệp văn hóa; Mô tả các sản phẩm và dịch vụ của các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam; Trình bày các biện pháp quản lý nhà nước đối với các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 10* | Văn bản học | Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về văn bản học, thể thức, quy trình quản lý văn bản hành chính theo Thông tư 01/2011/TT-BNV; Trang bị cho sinh viên những | 3 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc |

| | | | | | |
|-----|---------------------------------|--|---|----------|--|
| | | hiểu biết về phong cách ngôn ngữ hành chính để có thể biên tập và soạn thảo văn bản hành chính vừa đúng thể thức vừa chuẩn mực về phong cách ngôn ngữ. Giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo và biên tập văn bản hành chính tiếng Việt. | | | học phần (60%) tự luận |
| 11* | Thống kê trong khoa học xã hội | Học phần này giúp sinh viên thực hiện thống kê ứng dụng để xử lý các bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết liên quan đến tỷ lệ, trung bình; so sánh hai giá trị trung bình, so sánh hai tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập giữa hai đại lượng. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tiểu luận |
| 12* | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Học phần này cung cấp các khái niệm về nghiên cứu khoa học, ý nghĩa, mục đích của nghiên cứu khoa học, các đặc trưng cơ bản của nghiên cứu khoa học và các sản phẩm của nghiên cứu khoa học; Giúp sinh viên sử dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học và tổ chức thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học. | 3 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 13* | Lịch sử sách | Học phần này trình bày mối quan hệ giữa sách và nền văn minh nhân loại, quá trình hình thành của sách; Đặc điểm và các giai đoạn phát triển của lịch sử sách thế giới và Việt Nam. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 14* | Luật sở hữu trí tuệ | Học phần này cung cấp các khái niệm và đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ, các bộ phận cấu thành quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Việt Nam; Xác định đối tượng, chủ thể, nội dung, giới hạn của: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |

| | | | | | |
|-----|-----------------------|--|---|----------|--|
| | | quyền đối với giống cây trồng; quy định về chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. | | | luận |
| 15* | Lưu trữ học đại cương | Học phần cung cấp các lý thuyết cơ bản, phương pháp và các vấn đề nền tảng về khoa học lưu trữ, nghiệp vụ lưu trữ, tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ, phục vụ quản lý thống nhất hoạt động lưu trữ trên để bảo vệ, bảo quản an toàn và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, cung cấp thông tin làm căn cứ để xây dựng kế hoạch, cân đối, phân bổ các nguồn lực cho quá trình phát triển của cơ quan, tổ chức. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 16* | Quản trị văn phòng | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn phòng và quản trị văn phòng như khái niệm, vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, trang thiết bị, chức năng, nhiệm vụ, những kỹ năng quản trị văn phòng. Hướng dẫn sinh viên các kỹ năng quản trị văn phòng như: Lập kế hoạch công tác, thông tin báo cáo, tổ chức hội họp, giao tiếp và lễ tân văn phòng. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 17* | Văn hóa đọc | Học phần này cung cấp các khái niệm về văn hóa, hoạt động đọc, văn hóa đọc, các thành tố của văn hóa đọc và các yếu tố tác động đến văn hóa đọc; Phân tích vai trò của văn hóa đọc trong đời sống xã hội và hướng dẫn tổ chức thực hiện các giải pháp phát triển văn hóa đọc cho cá nhân và cộng đồng. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 18* | Xuất bản điện tử | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về xuất bản điện tử như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, ưu điểm và hạn chế của tài | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi |

| | | | | | |
|-----|------------------------|---|---|----------|--|
| | | liệu điện tử và hoạt động xuất bản điện tử; cách thức thực hiện quy trình xuất bản để tạo lập tài liệu điện tử và xuất bản điện tử; bản quyền và bảo mật; khai thác, sử dụng tài liệu điện tử và xuất bản điện tử trong hoạt động thông tin - thư viện. | | | kết thúc học phần (60%) Video (03 - 05 phút) hoặc 1 Audio book |
| 19* | Nhập môn cơ sở dữ liệu | Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu; hướng dẫn áp dụng các mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ để thiết kế một cơ sở dữ liệu cụ thể; Sử dụng được ngôn ngữ truy vấn SQL để quản lý và truy xuất dữ liệu trên một cơ sở dữ liệu; Hiểu được các mô hình dữ liệu; Ràng buộc toàn vẹn; Ngôn ngữ khai thác cơ sở dữ liệu. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 20* | Thiết kế web căn bản | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về thiết kế Web, nguyên lý cơ bản trong thiết kế website; Ngôn ngữ trong thiết kế và lập trình web. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 21* | Tổ chức sự kiện | Học phần này giúp sinh viên trình bày được các khái niệm và các loại tổ chức sự kiện, vai trò của tổ chức sự kiện; Giới thiệu quy trình tổ chức sự kiện, hướng dẫn sinh viên phương pháp xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện và tổ chức dàn dựng sự kiện. | 3 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 22 | Xã hội thông tin | Học phần này trình bày sự hình thành, đặc điểm và ảnh hưởng của xã hội thông tin đối với quá trình phát triển nền văn minh nhân loại; Phân tích vai trò, ý nghĩa của chính sách thông tin quốc gia và hướng dẫn tổ | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần |

| | | | | | |
|----|--|--|---|----------|--|
| | | chức thực hiện các nhiệm vụ của chính sách thông tin quốc gia. | | | (60%) tự luận |
| 23 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Phần 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được những vấn đề chung của Chủ nghĩa Mác- Lênin. - Hiểu được nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. - Vận dụng được kiến thức học phần vào giải quyết những vấn đề khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, nêu cao trách nhiệm, tinh thần kỷ luật trong học tập và công tác. | 3 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 24 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng soạn thảo, định dạng văn bản; thiết lập bảng tính và tính toán; thiết kế một bài thuyết trình; sử dụng Internet và kết hợp các toán tử để tìm kiếm thông tin. | 4 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 25 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, chức năng của văn hóa; Các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam. - Sự tương đồng và khác biệt của văn hóa Việt Nam với văn hoá các nước khác trong khối Đông Nam Á, trong khu vực và với thế giới. - Vận dụng kiến thức về văn hóa và văn hóa Việt Nam để nhận diện các hiện tượng văn hóa cụ thể trong đời sống xã hội. - Có ý thức học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc. | 3 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |

| | | | | | |
|---|---------------------------|--|---|----------|---|
| 26 | Giáo dục thể chất, phần 1 | <p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết, hiểu được ý nghĩa và tác dụng môn Điền kinh đối với cơ thể - Thực hành được các kỹ thuật cơ bản, phương pháp tổ chức tập luyện môn Điền kinh - Biết, hiểu một số điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Điền kinh <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp tổ chức của một buổi tập luyện để tăng cường thể lực - Thực hành được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản môn Điền kinh - Hiểu, có thể làm được phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Điền kinh <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và tích cực tham gia các phong trào thể dục thể thao trong và ngoài nhà trường - Hình thành thái độ ham thích tự tập luyện thể dục thể thao, coi đó là phương tiện để tăng cường thể lực và giữ gìn sức khỏe suốt đời | 2 | Học kỳ 2 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |
| 27 | Thư viện đại cương | <p>Học phần này cung cấp kiến thức về bản chất, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của thư viện; Đặc điểm và các giai đoạn phát triển của thư viện thế giới và Việt Nam. Quá trình hình thành, nội dung, chức năng của thư viện học; Đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về thư viện; Các loại hình thư viện trên thế giới và ở Việt Nam.</p> | 4 | Học kỳ 2 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |
| <p>Chọn 2 tín chỉ (từ số thứ tự 7* đến số thứ tự 21*) đăng ký học phần cho học kỳ 2</p> | | | | | |

2. Ngành: Thông tin thư viện (Khóa: 2021 - 2025)

| STT | Tên học phần | Mục tiêu học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|---|------------|----------------------|---|
| 1 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Cung cấp và trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản có tính hệ thống của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như giá trị tinh thần của tư tưởng Hồ Chí Minh. - Về kỹ năng: Rèn luyện tư duy lý luận, giúp sinh viên hiểu rõ nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, từ đó có nhận thức đúng đắn và phương pháp làm việc khoa học, biết chủ động giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống theo đúng đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước. - Về thái độ: Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị; góp phần củng cố niềm tin yêu về lý tưởng cách mạng mà Bác Hồ và Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn. | 2 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 2 | Anh văn, phần 1 | <p><i>Kiến thức</i></p> <p>Người học nắm rõ một lượng từ vựng nhất định về một số lĩnh vực cụ thể và ngữ pháp cơ bản sau:</p> <p>Về từ vựng: gia đình, bạn bè, hàng xóm; trường lớp; nhà cửa, quê hương; mối quan hệ (hôn nhân, hẹn hò); du lịch, giao thông; thực phẩm, thói quen ăn uống.</p> <p>Về ngữ pháp: các cấu trúc câu hỏi; thì quá khứ đơn và tiếp diễn; thì hiện tại đơn và tiếp diễn; danh từ đếm được/không đếm được, đại từ bất định; thì tương lai; so sánh</p> | 4 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) Vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận |

| | | | | | |
|---|---------------------------|--|---|----------|--|
| | | <p>hơn kém và so sánh nhất.</p> <p><i>Kỹ năng</i></p> <p>Người học sử dụng được 4 kỹ năng tiếng Anh: nghe, nói, đọc, viết đạt trình độ trung cấp 1 (BẬC 3) với các yêu cầu cụ thể theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (KNLNNVN) theo Thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24 tháng 01 năm 2014.</p> <p><i>Thái độ</i></p> <p>Có hứng thú, sẵn sàng tự học, tự rèn luyện, trau dồi kỹ năng tiếng Anh, khắc phục, tự sửa lỗi từ vựng, ngữ pháp. Tích cực, tự tin làm việc nhóm, thảo luận.</p> <p>Tự tin sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp.</p> | | | |
| 3 | Tiếng Việt thực hành | <p>Người học có được kiến thức cơ bản và thành thạo kỹ năng phân tích, tạo lập và biên tập văn bản tiếng Việt, chú trọng văn bản khoa học để rèn luyện tư duy khoa học; đồng thời, trân trọng và gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ trong soạn thảo văn bản.</p> | 2 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%): tiểu luận</p> |
| 4 | Mỹ học đại cương | <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ sở khoa học về Mỹ học đại cương. - Có tư duy và hoạt động thực tiễn thẩm mỹ. - Vận dụng hiệu quả các kỹ năng xây dựng nền tảng thẩm mỹ trong các lĩnh vực đời sống xã hội. | 2 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |
| 5 | Giáo dục thể chất, phần 2 | <p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết, hiểu được ý nghĩa và tác dụng môn Điền kinh đối với cơ thể | 2 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi</p> |

| | | | | | |
|---|-------------------------|--|---|----------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành được các kỹ thuật cơ bản, phương pháp tổ chức tập luyện môn Điền kinh - Biết, hiểu một số điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Điền kinh <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp tổ chức của một buổi tập luyện để tăng cường thể lực - Thực hành được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản môn Điền kinh - Hiểu, có thể làm được phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Điền kinh <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và tích cực tham gia các phong trào thể dục thể thao trong và ngoài nhà trường - Hình thành thái độ ham thích tự tập luyện thể dục thể thao, coi đó là phương tiện để tăng cường thể lực và giữ gìn sức khỏe suốt đời | | | <p>kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |
| 6 | Thông tin đại học cương | <p>Học phần này trình bày các khái niệm về thông tin, các loại thông tin và các kỹ thuật truyền tin; Phân tích vai trò của thông tin đối với sự tiến bộ xã hội; Xác định các nguyên nhân gây nên hiện tượng bùng nổ thông tin và các biện pháp khắc phục hiện tượng này; Diễn giải các công đoạn trong dây chuyền thông tin tư liệu.</p> | 4 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |
| <p>Chọn 3 tín chỉ (từ số thứ tự 7* đến số thứ tự 21*) đăng ký học phần cho học kỳ 3</p> | | | | | |
| 7 | Đường lối cách mạng | <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về | 3 | Học kỳ 4 | Điểm đánh giá |

| | | | | | |
|---|----------------------------|--|---|----------|--|
| | của Đảng Cộng sản Việt Nam | <p>đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, đường lối phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, đối ngoại và giải quyết các vấn đề xã hội của Đảng trong thời kỳ đổi mới.</p> <p>- <i>Về kỹ năng</i>: Rèn luyện các kỹ năng tổng hợp, phân tích ở người học. Sinh viên có khả năng giải thích và bày tỏ được quan điểm của bản thân về đường lối của Đảng. Thông qua việc tổ chức, tham gia các buổi thảo luận, thực tế, tạo nên thói quen làm việc nhóm ở sinh viên.</p> <p>- <i>Về thái độ</i>: Bồi dưỡng ý thức tự giác chấp hành đường lối của Đảng. Sinh viên biết lắng nghe, tin tưởng và thể hiện quan điểm của bản thân về đường lối cách mạng của Đảng. Đồng thời có thái độ quan tâm, nâng cao ý thức trách nhiệm trước những nhiệm vụ dựng xây và phát triển đất nước.</p> | | | bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 8 | Anh văn, phần 2 | <p><i>Kiến thức</i></p> <p>Người học nắm rõ một lượng từ vựng nhất định về một số lĩnh vực cụ thể và ngữ pháp cơ bản sau:</p> <p>Về từ vựng: gia đình, bạn bè, hàng xóm; trường lớp; nhà cửa, quê hương; mối quan hệ (hôn nhân, hẹn hò); du lịch, giao thông; thực phẩm, thói quen ăn uống.</p> <p>Về ngữ pháp: các cấu trúc câu hỏi; thì quá khứ đơn và tiếp diễn; thì hiện tại đơn và tiếp diễn; danh từ đếm được/không đếm được, đại từ bất định; thì tương lai; so sánh hơn kém và so sánh nhất.</p> <p><i>Kỹ năng</i></p> <p>Người học sử dụng được 4 kỹ năng tiếng Anh: nghe, nói, đọc,</p> | 4 | Học kỳ 4 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận |

| | | | | | |
|---|---------------------------|--|---|----------|---|
| | | <p>viết đạt trình độ trung cấp 1 (BẬC 3) với các yêu cầu cụ thể theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (KNLNNVN) theo Thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24 tháng 01 năm 2014.</p> <p><i>Thái độ</i></p> <p>Có hứng thú, sẵn sàng tự học, tự rèn luyện, trau dồi kỹ năng tiếng Anh, khắc phục, tự sửa lỗi từ vựng, ngữ pháp. Tích cực, tự tin làm việc nhóm, thảo luận.</p> <p>Tự tin sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp.</p> | | | |
| 9 | Giáo dục thể chất, phần 3 | <p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết, hiểu được ý nghĩa và tác dụng môn Điền kinh đối với cơ thể - Thực hành được các kỹ thuật cơ bản, phương pháp tổ chức tập luyện môn Điền kinh - Biết, hiểu một số điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Điền kinh <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp tổ chức của một buổi tập luyện để tăng cường thể lực - Thực hành được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản môn Điền kinh - Hiểu, có thể làm được phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Điền kinh <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và tích cực tham gia các phong trào thể dục thể thao trong và ngoài nhà trường | 1 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |

| | | | | | |
|--|---------------------------------|---|---|----------|--|
| | | - Hình thành thái độ ham thích tự tập luyện thể dục thể thao, coi đó là phương tiện để tăng cường thể lực và giữ gìn sức khỏe suốt đời | | | |
| 10 | Thư mục học đại cương | Học phần này trình bày khái niệm, đặc điểm, đối tượng của thư mục, thông tin thư mục và thư mục học; phân tích các chức năng xã hội chủ yếu của thư mục; cung cấp các cơ sở phân loại thư mục; mô tả các giai đoạn của lịch sử thư mục thế giới và lịch sử thư mục Việt Nam. | 2 | Học kỳ 4 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tiểu luận |
| 11 | Phát triển tài nguyên thông tin | Học phần này cung cấp khái niệm về tài nguyên thông tin, vai trò, các nhân tố tác động đến sự phát triển tài nguyên thông tin; Các nguyên tắc, phương pháp phát triển tài nguyên thông tin trong cơ quan thông tin - thư viện; Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phát triển tài nguyên thông tin. | 2 | Học kỳ 4 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| Chọn 6 tín chỉ (từ số thứ tự 7* đến số thứ tự 21*) đăng ký học phần cho học kỳ 4 | | | | | |

3. Ngành/chuyên ngành: Thông tin thư viện (Khóa: 2020 - 2024)

| STT | Tên học phần | Mục tiêu học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------|---|------------|----------------------|--|
| 1 | Định từ khóa và định chủ đề | Học phần cung cấp các khái niệm về mô tả nội dung tài liệu, từ khóa và chủ đề; Hướng dẫn các thao tác xử lý thông tin và công cụ hỗ trợ trong công tác định từ khóa và định chủ đề để xây dựng được các mẫu tìm tin theo từ khóa và chủ đề. | 3 | Học kỳ 5 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tiểu luận |

| | | | | | |
|---|---------------------------------------|--|---|----------|--|
| 2 | Phân loại tài liệu | <p>Học phần này giúp sinh viên có khả năng trình bày được khái niệm về phân loại, phân loại khoa học và phân loại tài liệu, ứng dụng của phân loại tài liệu trong công tác thông tin thư viện; các yêu cầu, nguyên tắc và phương pháp phân loại chung và phương pháp phân loại cụ thể đối với từng nhóm tài liệu áp dụng cho một số bảng phân loại cụ thể.</p> | 3 | Học kỳ 5 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |
| 3 | Biên mục mô tả | <p>Học phần này cung cấp cho sinh viên khái niệm về biên mục mô tả: ý nghĩa, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc, nội dung của công tác biên mục mô tả trong hoạt động thông tin-thư viện; Lịch sử ra đời của các quy tắc biên mục trên thế giới; Phương pháp biên mục mô tả theo tiêu chuẩn quốc tế ISBD; Phương pháp biên mục mô tả theo quy tắc mô tả Anh Mỹ (AACR2).</p> | 3 | Học kỳ 5 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |
| 4 | Tóm tắt, dẫn giải, tổng luận tài liệu | <p>Học phần này trình bày những kiến thức chuyên sâu để biên soạn bài tóm tắt, bài dẫn giải, bài tổng luận, các kỹ năng chủ yếu để nhận dạng, phân loại và hiệu đính bài dẫn giải, bài tóm tắt, bài tổng luận, các phương pháp xử lý nội dung tài liệu ở mức độ sâu, thực hành thành thạo các phương pháp tóm tắt tài liệu, dẫn giải tài liệu và tổng luận tài liệu.</p> | 3 | Học kỳ 5 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |

| | | | | | |
|--|-------------------------------------|--|---|----------|--|
| 5 | Thực tập giữa khóa 1 tháng | <p>- Gắn liền nhà trường với xã hội, lý luận với thực tiễn. Sinh viên thông qua nghiên cứu khảo sát và thực hành về hoạt động của cơ quan thông tin - thư viện để củng cố kiến thức đã học, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.</p> <p>- Sinh viên rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc của nhân viên thông tin - thư viện trong tương lai.</p> | 2 | Học kỳ 5 | Báo cáo |
| Chọn 4 tín chỉ (từ số thứ tự 7* đến số thứ tự 21*) đăng ký học phần cho học kỳ 5 | | | | | |
| 6 | Trụ sở cơ quan thông tin - thư viện | Học phần này trình bày khái niệm và lịch sử phát triển kiến trúc cơ quan thông tin - thư viện; Lý thuyết về trụ sở cơ quan thông tin - thư viện và những nguyên tắc, phương pháp bố trí các khối chức năng trong cơ quan thông tin - thư viện; Hướng dẫn các biện pháp quản lý và khai thác trụ sở cơ quan thông tin - thư viện. | 2 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 7 | Tổ chức và bảo quản tài liệu | Học phần này giúp sinh viên xác định được vai trò, nhiệm vụ và yêu cầu của người làm công tác tổ chức và bảo quản tài liệu. Giới thiệu cho sinh viên các hình thức và quy trình đăng ký vốn tài liệu; Hướng dẫn sinh viên kỹ năng tổ chức hệ thống kho tài liệu, sắp xếp và kiểm kê vốn tài liệu; Trang bị cho sinh viên kỹ năng bảo quản tài liệu như: phòng chống những tác nhân gây hại tài liệu; tu sửa, phục chế, chuyển dạng tài liệu. | 3 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 8 | Phần mềm quản trị thông | Học phần này cung cấp cho sinh viên khái niệm về phần mềm quản lý thư viện tích hợp, giới thiệu | 3 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận |

| | | | | | |
|----|---------------------------------------|--|---|----------|--|
| | tin | một số phần mềm quản lý thư viện hiện nay, các yêu cầu về chuẩn nghiệp vụ thư viện, yêu cầu cụ thể về chức năng nghiệp vụ của phần mềm quản trị thư viện. Giới thiệu các khổ mẫu biên mục đọc máy và các chuẩn biên mục mô tả trên phần mềm quản trị thư viện; Hướng dẫn sinh viên sử dụng phần mềm quản trị thư viện tích hợp trong các hoạt động nghiệp vụ thông tin - thư viện. | | | (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 9 | Tổ chức hoạt động thông tin thư mục | Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về-việc tạo lập thư mục, các bước cụ thể trong quá trình tạo lập thư mục; ý nghĩa, yêu cầu và thành phần của bộ máy tra cứu thư mục; đặc điểm, yêu cầu và biện pháp thực hiện các chế độ phục vụ thư mục; đặc điểm và cách thức tổ chức hoạt động thông tin thư mục trong các cơ quan thông tin - thư viện. | 2 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 10 | Hệ thống lưu trữ và tra cứu thông tin | Học phần này cung cấp cho sinh viên thông tin về ý nghĩa, công dụng của hệ thống lưu trữ và tra cứu thông tin, các thành phần của hệ thống lưu trữ và tra cứu thông tin trong cơ quan thông tin - thư viện; Hướng dẫn sinh viên xây dựng và vận hành hệ thống lưu trữ và tra cứu thông tin trong cơ quan thông tin - thư viện. | 2 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 11 | Tra cứu thông tin | Học phần này giúp trình bày các khái niệm về tìm tin, các dạng tìm tin và các ngôn ngữ tìm tin; Xác định các nguồn tin và công cụ tìm tin; Phân tích các thao tác cơ bản của quá trình tìm tin; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm tin theo phương pháp truyền thống và | 3 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự |

| | | | | | |
|----|------------------------------|--|---|----------|---|
| | | hiện đại. | | | luận |
| 12 | Dịch vụ thông tin - thư viện | Học phần này cung cấp kiến thức để tạo lập và phát triển các dịch vụ thông tin - thư viện phù hợp với từng nhóm đối tượng người dùng cụ thể; cách thức sử dụng các phương pháp, công cụ phù hợp để nghiên cứu nhu cầu người dùng dịch vụ thông tin - thư viện; vận dụng kỹ năng để tuyên truyền giới thiệu tài liệu và tư vấn thông tin; đồng thời triển khai thực hiện các nhóm dịch vụ trong cơ quan thông tin - thư viện. | 3 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) Bài trình diễn cuối kỳ |

4. Ngành: Thông tin thư viện (Khóa: 2019 - 2023)

| STT | Tên học phần | Mục tiêu học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------|---|------------|----------------------|--|
| 1 | Pháp luật thư viện | Học phần này trình bày lịch sử ban hành văn bản pháp quy về thư viện; Pháp lệnh Thư viện và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp lệnh Thư viện; Các văn bản pháp lý của Chính phủ, các Bộ về thư viện; Phổ biến, thực thi và hoàn thiện pháp luật thư viện. | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 2 | Thư viện điện tử | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, chức năng, thành phần của một thư viện điện tử; Các nguyên tắc xây dựng và vận hành thư viện điện tử; Các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng để xây dựng thư viện điện tử như phần cứng, phần mềm, nguồn lực thông tin, nguồn nhân lực; Giới thiệu các dịch vụ thông tin trong thư viện điện tử và các mô hình thư viện hiện đại trong và | 3 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |

| | | | | | |
|---|---|--|---|----------|--|
| | | ngoài nước | | | |
| 3 | Tổ chức và quản lý hoạt động thông tin - thư viện | Học phần này trình bày những vấn đề về tổ chức nói chung và tổ chức một cơ quan thông tin - thư viện nói riêng; Hướng dẫn triển khai công tác tổ chức lao động khoa học trong hoạt động thông tin - thư viện; Nội dung công tác quản lý và quản lý các nguồn lực thông tin - thư viện; Công tác lập kế hoạch, báo cáo, thống kê; Quản lý nghiệp vụ thông tin - thư viện. | 3 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 4 | Lập dự án trong hoạt động thông tin - thư viện | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm, nội dung cơ bản của một dự án nói chung và dự án trong hoạt động thông tin - thư viện nói riêng; Quản lý dự án và vai trò người quản lý dự án; Các nội dung cơ bản của công tác lập kế hoạch và quản lý dự án; Các kỹ năng cần thiết để quản lý dự án đạt hiệu quả tốt nhất. | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 5 | Khóa luận tốt nghiệp | - Giúp sinh viên hình thành ý tưởng về việc nghiên cứu, củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học; - Sinh viên biết cách tổng hợp, phân tích, vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề cụ thể trong thực tế. | 8 | Học kỳ 7 | Hội đồng |
| Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 8 tín chỉ) | | | | | |
| 6 | Công tác địa chỉ trong thư viện công cộng | Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm về công tác địa chỉ, đặc trưng của tài liệu địa chỉ; vai trò của công tác địa chỉ trong thư viện công cộng; các hoạt động nghiệp vụ trong công tác địa chỉ để phục vụ nhu cầu thông tin địa chỉ cho người dùng tin trong hệ thống thư viện công cộng. | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tiểu luận |

| | | | | | |
|----|---|--|---|----------|--|
| 7 | Thư viện thiếu nhi và thư viện trường phổ thông | Học phần này giới thiệu các đặc điểm của thư viện thiếu nhi và thư viện trường phổ thông như: chức năng, nhiệm vụ, vốn tài liệu, cơ sở vật chất; Phương thức tổ chức hoạt động trong các thư viện thiếu nhi và thư viện trường phổ thông. | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 8 | Thư viện đại học | Học phần này trình bày đặc điểm, vai trò, chức năng của thư viện đại học; Cung cấp thông tin về thư viện đại học ở Việt Nam và một số thư viện đại học nổi tiếng thế giới; Xác định đối tượng sử dụng và các dịch vụ của thư viện đại học. | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 9 | Thư viện quân đội | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của thư viện quân đội; Hệ thống thư viện quân đội ở Việt Nam; Công tác quản lý nhà nước trong thư viện quân đội. | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tiểu luận |
| 10 | Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý | Học phần này trình bày các khái niệm về tổ chức, quản lý, lãnh đạo, thông tin quản lý; Giải thích các quá trình thông tin trong lãnh đạo và quản lý; Hướng dẫn sinh viên tổ chức thực hiện có hiệu quả các hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý. | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 11 | Thông tin Khoa học Xã hội và Nhân văn | Học phần này trình bày khái niệm, vai trò và các loại thông tin Khoa học Xã hội và Nhân văn; Mô tả hoạt động thông tin Khoa học Xã | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). |

| | | | | | |
|----|--|---|---|----------|--|
| | | hội và Nhân văn trên thế giới và ở Việt Nam; Hướng dẫn sinh viên tổ chức thực hiện hoạt động thông tin Khoa học Xã hội và Nhân văn. | | | Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 12 | Thông tin Khoa học và Công nghệ | Học phần này trình bày khái niệm, vai trò và các loại thông tin Khoa học và Công nghệ; Mô tả hoạt động thông tin Khoa học và Công nghệ trên thế giới và ở Việt Nam; Hướng dẫn sinh viên tổ chức thực hiện hoạt động thông tin Khoa học và Công nghệ. | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 13 | Marketing trong hoạt động thông tin - thư viện | Học phần cung cấp các khái niệm về marketing, nghiên cứu marketing, chiến lược và kế hoạch marketing. Hướng dẫn sinh viên quy trình xây dựng chính sách sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện; định giá, khuyến thị, phân phối sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện. | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) Phim ngắn (clip 03 – 05 phút) marketing online cho sản phẩm và dịch vụ thông tin – thư viện. |
| 14 | Giao tiếp trong hoạt động thông tin - thư viện | Học phần này cung cấp cho sinh viên khái niệm, vai trò, nguyên tắc, chức năng, các loại giao tiếp, kỹ năng giao tiếp; cấu trúc, quy trình truyền thông trong giao tiếp; phong cách giao tiếp, phương tiện giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; một số kỹ năng giao tiếp: kỹ năng lắng nghe, quan sát, giao tiếp | 2 | Học kỳ 7 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự |

| | | | | | |
|----|--------------------|---|---|----------|---------|
| | | nhóm, quản lý xung đột, thuyết trình. | | | luận |
| 15 | Thụ tập tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Gắn liền nhà trường với xã hội, lý luận với thực tiễn. Sinh viên thông qua nghiên cứu khảo sát và thực hành về hoạt động của cơ quan thông tin - thư viện để củng cố kiến thức đã học, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. - Sinh viên rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc của nhân viên thông tin - thư viện trong tương lai. | 6 | Học kỳ 8 | Báo cáo |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thế Dũng